

BỘ TÀI CHÍNH**BỘ TÀI CHÍNH**

Số: 44/2005/TT-BTC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc***Hà Nội, ngày 03 tháng 6 năm 2005***THÔNG TƯ****HƯỚNG DẪN XÂY DỰNG DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC
NĂM 2006 VÀ GIAI ĐOẠN 2006 - 2010**

Thực hiện Chỉ thị số 18/2005/CT-TTg ngày 31 tháng 5 năm 2005 của Thủ tướng Chính phủ về việc xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2006; Bộ Tài chính hướng dẫn công tác đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ ngân sách nhà nước năm 2005, giai đoạn 2001 - 2005 và xây dựng dự toán ngân sách nhà nước năm 2006 và giai đoạn 2006 - 2010 như sau:

**A. ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN
NHIỆM VỤ NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC
NĂM 2005 VÀ GIAI ĐOẠN**

2001 - 2005

Căn cứ nhiệm vụ NSNN đã được Quốc hội quyết định, căn cứ vào mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội và dự toán thu, chi ngân sách năm 2005 đã được Thủ tướng Chính phủ giao, phát

huy những kết quả quan trọng đã đạt được của 6 tháng đầu năm, các Bộ, cơ quan trung ương và các địa phương trong 6 tháng cuối năm 2005 tập trung thực hiện đầy đủ các giải pháp theo Nghị quyết số 33/2004/QH11 của Quốc hội về dự toán ngân sách nhà nước năm 2005, Nghị quyết số 01/2005/NQ-CP ngày 14/01/2005 của Chính phủ về một số giải pháp chủ yếu chỉ đạo thực hiện kế hoạch kinh tế - xã hội và ngân sách nhà nước năm 2005 và Thông tư số 111/2004/TT-BTC ngày 19/11/2004 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điểm về tổ chức thực hiện dự toán ngân sách nhà nước năm 2005. Phấn đấu hoàn thành vượt mức toàn diện các chỉ tiêu nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội và ngân sách nhà nước năm 2005, nhiệm vụ giai đoạn 2001 - 2005.

Cùng với việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ NSNN năm 2005; các Bộ, cơ quan trung ương, Ủy ban nhân dân các tỉnh

thành phố trực thuộc Trung ương thực hiện đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ NSNN năm 2005 và giai đoạn 2001 - 2005 làm căn cứ xây dựng dự toán NSNN năm 2006 và giai đoạn 2006 - 2010 theo những nội dung chủ yếu sau:

I. ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NHIỆM VỤ THU NSNN NĂM 2005 VÀ GIAI ĐOẠN 2001 - 2005

1. Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2005 và giai đoạn 2001 - 2005; trong đó tập trung phân tích, đánh giá một số nhiệm vụ chủ yếu sau:

- Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, các chỉ tiêu chủ yếu năm 2005 và giai đoạn 2001 - 2005 thuộc lĩnh vực được Nhà nước giao, phân công quản lý: kết quả thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế (tốc độ tăng trưởng GDP,...); chuyển đổi cơ cấu kinh tế; kết quả thực hiện nhiệm vụ sản xuất, tiêu thụ sản phẩm chủ yếu; kết quả thực hiện những chỉ tiêu nhiệm vụ phát triển xã hội,...

- Kết quả thực hiện công tác sắp xếp, đổi mới, cổ phần hóa và nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh, tài chính doanh nghiệp của DNNS năm 2005 và giai đoạn 2001 - 2005.

- Kết quả thực hiện kim ngạch xuất khẩu, kim ngạch nhập khẩu năm 2005 và

giai đoạn 2001 - 2005 của lĩnh vực, ngành, địa bàn, trong đó: kim ngạch xuất khẩu, nhập khẩu chịu thuế của từng loại hàng hóa, nhóm hàng hóa chủ yếu,...

- Công tác quy hoạch cơ sở hạ tầng tại địa phương, quản lý khai thác nguồn lực từ quỹ đất để đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng; kết quả công tác thực hiện việc đấu giá quyền sử dụng đất nhằm tăng nguồn thu, tăng nguồn đầu tư phát triển ở địa phương năm 2005 và giai đoạn 2001 - 2005.

2. Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ thu NSNN năm 2005 và giai đoạn 2001 - 2005; trong đó tập trung đánh giá, phân tích một số nội dung chủ yếu sau:

- Kết quả thực hiện thu NSNN năm 2005, giai đoạn 2001 - 2005 so nhiệm vụ Thủ tướng Chính phủ giao; so mục tiêu nghị quyết Đại hội Đảng bộ địa phương đã quyết định đối với giai đoạn 2001 - 2005 và so mục tiêu Hội đồng nhân dân giao hàng năm. Đối với năm 2005 phấn đấu thực hiện thu nội địa (không kể thu từ dầu thô và tiền sử dụng đất) tăng tối thiểu 5% so dự toán đã được Thủ tướng Chính phủ giao.

- Đánh giá, phân tích những nhân tố ảnh hưởng, tác động đến kết quả thực hiện thu năm 2005 và giai đoạn 2001 - 2005 như: Năng lực sản xuất - kinh doanh mới tăng thêm; các doanh nghiệp mới được thành lập; các dự án liên

doanh, các dự án đầu tư nước ngoài được cấp phép đi vào hoạt động; kết quả thực hiện các chỉ tiêu về sản xuất và tiêu thụ; sản lượng sản phẩm chủ yếu; giá thành; giá bán,...

- Đánh giá, phân tích tác động ảnh hưởng của những chế độ, chính sách bổ sung, sửa đổi và cơ chế quản lý thu trong năm 2005 và giai đoạn 2001 - 2005 đến kết quả thực hiện nhiệm vụ thu NSNN, như: thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế thu nhập đối với người có thu nhập cao, thuế TTĐB, các khoản thu liên quan đến nhà đất; phương thức quản lý thu theo cơ chế tự kê khai, tự nộp,...

- Đánh giá, phân tích tình hình thu nộp phí, lệ phí năm 2005 và từ khi triển khai đến hết năm 2005 của các tổ chức ở Trung ương, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã theo Nghị định số 57/2002/NĐ-CP ngày 03/6/2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh Phí và lệ phí.

- Đánh giá, phân tích kết quả công tác tổ chức thực hiện kiểm tra, kiểm soát chống thất thu, chống buôn lậu, chống gian lận thương mại; tình hình nợ đọng thuế năm 2005 và giai đoạn 2001 - 2005; xác định rõ số tiền thuế tồn đọng năm 2004 chuyển sang, số thu phát sinh năm 2005, số đã thu được trong năm 2005 và số chuyển sang thu trong năm 2006. Tổng hợp đầy đủ chính xác số thuế nợ đọng, phân loại nợ thuế theo thời gian và nguyên nhân.

- Tình hình kê khai, hoàn thuế GTGT của các doanh nghiệp xuất khẩu, dự án xây dựng cơ bản,... Số thuế giá trị gia tăng phải hoàn phát sinh trong năm 2005; số đã hoàn cho các doanh nghiệp trong năm 2005; dự kiến số phải hoàn của năm 2005 chuyển sang hoàn thuế năm 2006.

II. ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NHIỆM VỤ CHI NGÂN SÁCH NĂM 2005 VÀ GIAI ĐOẠN 2001 - 2005

1. Đối với nhiệm vụ chi đầu tư phát triển:

1.1. Đánh giá kết quả tổ chức thực hiện nhiệm vụ đầu tư các công trình, dự án XDCB đã được phê duyệt thực hiện trong năm 2005, giai đoạn 2001 - 2005: Số lượng, mức dự toán được duyệt, khối lượng thực hiện, khối lượng thực hiện đã thanh toán,... của các công trình, dự án đầu tư XDCB thực hiện trong năm 2005, giai đoạn 2001 - 2005 (trong đó cụ thể số công trình, dự án đã hoàn thành; số công trình, dự án đang thực hiện).

- Đánh giá về việc bố trí nguồn vốn thực hiện các dự án, công trình đầu tư XDCB trong năm 2005, giai đoạn 2001-2005: nguồn từ NSNN, nguồn từ công trái giáo dục, nguồn từ trái phiếu Chính phủ và các nguồn khác theo quy định. Đối với các tỉnh, thành phố đánh giá tình hình thực hiện quy định tại khoản 3

Điều 8 Luật NSNN về huy động vốn đầu tư cơ sở hạ tầng và tình hình trả nợ số đã huy động đến hạn, dư nợ huy động đến 31/12/2005.

- Tổng hợp, phân tích và so sánh nhu cầu vốn cho các công trình, dự án XDCB đã được phê duyệt với nguồn vốn đã bố trí để thực hiện năm 2005, giai đoạn 2001 - 2005.

- Đánh giá, phân tích tình hình nợ đọng khối lượng đầu tư XDCB và kết quả thực hiện các biện pháp xử lý nợ đọng khối lượng đầu tư XDCB.

- Đánh giá về việc chấp hành quy định về thủ tục đầu tư; về bố trí nguồn vốn; về thời gian, tiến độ thực hiện,... các công trình, dự án XDCB trong giai đoạn 2001 - 2005.

- Đánh giá, phân tích về hiệu quả đầu tư XDCB năm 2005, giai đoạn 2001 - 2005; các tồn tại, nguyên nhân và giải pháp khắc phục; trong đó tập trung một số nhiệm vụ chủ yếu sau:

- + Đánh giá kết quả thực hiện những dự án, công trình trọng điểm của quốc gia, của ngành, địa phương; kết quả thực hiện những dự án ODA,...

- + Đánh giá thực hiện chương trình kiên cố hóa kênh mương, giao thông nông thôn, hạ tầng thủy sản, hạ tầng làng nghề năm 2005, giai đoạn 2001 - 2005.

- + Đánh giá nhiệm vụ đầu tư các dự án

từ nguồn trái phiếu Chính phủ, công trái giáo dục năm 2005, và từ khi triển khai đến hết 2005.

- + Đánh giá chi đầu tư từ nguồn tiền sử dụng đất năm 2005, giai đoạn 2001 - 2005; dự kiến số chưa thực hiện cần chuyển nguồn sang năm 2006 để thực hiện.

- Đối với năm 2005 đánh giá cụ thể tình hình phân bổ, giao dự toán chi đầu tư XDCB năm 2005; việc thực hiện điều chuyển, giảm chi đối với số vốn không phân bổ được, khả năng thực hiện khối lượng và thanh toán đối với toàn bộ các dự án, công trình của nhiệm vụ năm 2005. Đánh giá những kết quả đạt được và tồn tại cần tiếp tục xử lý về thực hiện chủ trương bố trí vốn tập trung, tránh phân tán, dàn trải; tổng hợp và đánh giá kết quả thực hiện Nghị quyết Quốc hội, Nghị quyết Chính phủ về việc bố trí vốn thuộc dự toán năm 2005 thanh toán nợ XDCB theo chế độ quy định; đánh giá kết quả thực hiện những quy định về quản lý vốn đầu tư XDCB; hiệu quả đầu tư, hiệu quả những dự án đã hoàn thành trong năm, công tác quyết toán công trình XDCB hoàn thành.

1.2. Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ đầu tư hỗ trợ phát triển sản xuất kinh doanh theo quy định của pháp luật năm 2005 và giai đoạn 2001 - 2005: Công tác triển khai thực hiện, quản lý Quỹ hỗ trợ đầu tư phát triển đô thị; Quỹ bảo lãnh

tín dụng cho doanh nghiệp nhỏ và vừa (đối với các địa phương đã lập quỹ); chính sách hỗ trợ doanh nghiệp công ích; chính sách hỗ trợ phát triển thương mại, xúc tiến xuất khẩu,...

2. Đối với nhiệm vụ chi thường xuyên:

2.1. Đánh giá, phân tích kết quả quản lý sử dụng ngân sách thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội theo từng chỉ tiêu nhiệm vụ được Nhà nước giao cho Bộ, cơ quan trung ương, địa phương và đơn vị trong năm 2005, giai đoạn 2001 - 2005. Trong đó tập trung đánh giá kết quả thực hiện các nhiệm vụ quan trọng của từng ngành, lĩnh vực, các chương trình, dự án lớn, như: thực hiện nhiệm vụ đổi mới chương trình giáo dục phổ thông - đổi mới sách giáo khoa, phổ cập giáo dục trung học cơ sở, đào tạo cán bộ khoa học kỹ thuật ở nước ngoài; thực hiện chính sách phát triển giáo dục đối với vùng miền núi; thực hiện chính sách khám chữa bệnh miễn phí cho người nghèo, khám chữa bệnh cho trẻ em dưới 6 tuổi; kết quả công tác phòng bệnh, khám, chữa bệnh; thực hiện chế độ đối với gia đình chính sách, người có công, đối tượng xã hội; kết quả thực hiện các đề tài khoa học cấp Nhà nước; chương trình giống; xúc tiến thương mại; nhiệm vụ quản lý địa chính, môi trường,...

2.2. Đánh giá kết quả thực hiện các cơ chế, chính sách và chế độ chi tiêu trong

năm 2005, giai đoạn 2001 - 2005 thực hiện các nhiệm vụ của các Bộ, cơ quan trung ương, địa phương và đơn vị. Trong đó tập trung đánh giá kết quả thực hiện các cơ chế, chính sách sau:

- Đánh giá kết quả thực hiện Pháp lệnh tiết kiệm chống lãng phí; tình hình chi mua sắm ôtô, trang bị sử dụng điện thoại, chi thuê, mua trụ sở làm việc, chi hội nghị, tiếp khách; kết quả thực hiện tiết kiệm, chống lãng phí xăng dầu theo Chỉ thị số 06/2003/CT-TTg ngày 27/3/2003 của Thủ tướng Chính phủ;...

- Đánh giá kết quả thực hiện Nghị định 10/2002/NĐ-CP ngày 16/01/2002 của Chính phủ về chế độ tài chính áp dụng cho đơn vị sự nghiệp có thu; Quyết định số 192/2001/QĐ-TTg ngày 17/12/2001 của Thủ tướng Chính phủ về mở rộng thí điểm khoán biên chế và kinh phí quản lý hành chính đối với các cơ quan hành chính nhà nước.

- Đánh giá kết quả thực hiện Quyết định 21/2003/QĐ-TTg ngày 28/01/2003 của Thủ tướng Chính phủ về việc ngân sách nhà nước hỗ trợ cho các tổ chức chính trị - xã hội nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp đối với những hoạt động gắn với nhiệm vụ của Nhà nước.

2.3. Các Bộ, cơ quan quản lý ngành, lĩnh vực tổ chức đánh giá, phân tích về tổng nguồn lực và cơ cấu nguồn lực của

xã hội đầu tư cho phát triển ngành, lĩnh vực, kết quả thực hiện huy động các nguồn lực từ xã hội cho phát triển ngành, lĩnh vực; những tồn tại, nguyên nhân và giải pháp trong thời gian tới để huy động tốt hơn các nguồn lực từ xã hội để phát triển ngành, lĩnh vực mình.

2.4. Đánh giá, phân tích cơ cấu chi thường xuyên theo các nhóm mục, mục: chi tiền lương, các khoản có tính chất lương và các khoản chi trích theo lương (bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn); chi nghiệp vụ thường xuyên; chi đột xuất hoặc không thường xuyên (mua sắm, sửa chữa,...) năm 2005, giai đoạn 2001 - 2005 của Bộ, cơ quan, địa phương mình.

2.5. Đánh giá tình hình phân bổ, giao dự toán chi thường xuyên năm 2005, việc thực hiện điều chỉnh, điều chuyển dự toán ngân sách giữa các nhiệm vụ, giữa các đơn vị,... trong tổ chức thực hiện.

2.6. Đánh giá công tác cải cách thủ tục hành chính trong việc thực hiện ngân sách trong năm 2005, giai đoạn 2001 - 2005; nêu rõ tồn tại, nguyên nhân và giải pháp khắc phục.

3. Đối với các chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình 135 và dự án trồng mới 5 triệu ha rừng:

3.1. Đánh giá kết quả thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình 135 và dự án trồng mới 5 triệu ha rừng

so với mục tiêu đã được Thủ tướng Chính phủ quyết định đối với giai đoạn 2001 - 2005; nêu rõ những kết quả đã đạt được; những tồn tại, nguyên nhân và giải pháp khắc phục.

3.2. Đánh giá về cơ chế, chính sách, chế độ chi tiêu thực hiện các chương trình, dự án trong năm 2005, giai đoạn 2001 - 2005; nêu rõ những kết quả đã đạt được, những tồn tại, nguyên nhân và giải pháp khắc phục.

3.3. Đánh giá về việc tổ chức thực hiện, quản lý các chương trình, dự án trong năm 2005, giai đoạn 2001 - 2005; nêu rõ những kết quả đạt được, những tồn tại, nguyên nhân và giải pháp khắc phục.

3.4. Đánh giá tình hình phân bổ, giao dự toán chi các chương trình mục tiêu trên cơ sở dự toán kinh phí đã được giao và tiến độ thực hiện, các cơ quan chủ quản chương trình mục tiêu quốc gia, dự án và các địa phương đánh giá khối lượng thực hiện năm 2005, giai đoạn 2001 - 2005 chi tiết từng chương trình, dự án; tình hình quản lý và kết quả thực hiện các chương trình mục tiêu theo quy định tại Quyết định số 42/2002/QĐ-TTg ngày 19/3/2002 của Thủ tướng Chính phủ; Quyết định số 135/1998/QĐ-TTg ngày 31/7/1998 và Quyết định số 138/2000/QĐ-TTg ngày 29/11/2000 của Thủ tướng Chính phủ về chương trình 135; Quyết định số 661/QĐ-TTg ngày 29/7/1998 về mục tiêu, nhiệm vụ, chính sách và tổ

chức thực hiện dự án trồng mới 5 triệu ha rừng.

4. Đánh giá kết quả thực hiện các chế độ nâng lương tiền tối thiểu, chế độ cải cách tiền lương theo chế độ quy định: Kết quả xét duyệt, xác định nhu cầu kinh phí thực hiện cải cách tiền lương; kết quả thực hiện các biện pháp tài chính tạo nguồn thực hiện cải cách tiền lương từ: Nguồn tiết kiệm 10% chi thường xuyên (không kể tiền lương và các khoản có tính chất lương); từ 35 - 40% nguồn thu được để lại theo chế độ quy định; từ nguồn tăng thu (50% đối với ngân sách địa phương);... và xác định nguồn kinh phí chuyển sang năm 2006 để tiếp tục thực hiện cải cách tiền lương năm 2006.

5. Đối với các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương: Ngoài các yêu cầu nêu trên, cần chú ý tập trung đánh giá thực hiện những nhiệm vụ sau:

- Công tác huy động các nguồn lực tài chính ở địa phương để thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

- Đánh giá, phân tích kết quả thực hiện cơ cấu chi ngân sách: chi đầu tư, chi thường xuyên,... để đảm bảo yêu cầu đầu tư phát triển của địa phương; kết quả thực hiện Nghị quyết của Quốc hội về chống tình trạng đầu tư dàn trải, phân tán; xử lý nợ vốn XDCB,...

- Đánh giá, phân tích kết quả thực hiện các nhiệm vụ đầu tư hạ tầng theo

các quyết định của Thủ tướng Chính phủ như: Quyết định số 168/2001/QĐ-TTg ngày 30/10/2001, Quyết định số 186/2001/QĐ-TTg ngày 07/12/2001, Quyết định số 120/2003/QĐ-TTg ngày 11/6/2003, Quyết định số 134/2004/QĐ-TTg ngày 20/7/2004 của Thủ tướng Chính phủ,...

- Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ bố trí chi ngân sách, thực hiện các cơ chế chính sách của Nhà nước, thực hiện các chương trình, mục tiêu nhằm phát triển kinh tế, xã hội, xóa đói giảm nghèo (thực hiện các chính sách có mục tiêu quốc gia về xóa đói, giảm nghèo; chương trình giáo dục, y tế, văn hóa, phát triển kinh tế xã hội vùng khó khăn, vùng đồng bào dân tộc, miền núi,...); thực hiện các chương trình chính sách xã hội, chính sách đối với người có công với cách mạng, người tham gia kháng chiến và con đẻ của họ bị nhiễm chất độc mầu da cam, khám chữa bệnh miễn phí cho người nghèo, trẻ em dưới 6 tuổi, v.v.

- Bố trí ngân sách và sử dụng dự phòng thực hiện nhiệm vụ an ninh, quốc phòng; phòng chống dịch bệnh, thiên tai, hạn hán, lũ lụt, dịch cúm gà, v.v...

B. CÔNG TÁC XÂY DỰNG DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2006 VÀ GIAI ĐOẠN 2006 - 2010

Các Bộ, ngành, địa phương tổ chức công tác xây dựng dự toán thu, chi ngân

sách nhà nước năm 2006 và giai đoạn 2006 - 2010 (có phân ra từng năm) theo quy định của Luật NSNN, các văn bản hướng dẫn; chú ý những nội dung chủ yếu sau:

I. MỤC TIÊU

- Dự toán ngân sách nhà nước năm 2006 và giai đoạn 2006 - 2010 góp phần thực hiện tốt nhất nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội; xóa đói giảm nghèo; đảm bảo an ninh, quốc phòng thực hiện đường lối chủ động hội nhập quốc tế của Đảng và Nhà nước trên phạm vi cả nước, cũng như ở từng Bộ, ngành, địa phương.

- Dự toán ngân sách nhà nước năm 2006 và giai đoạn 2006 - 2010 xây dựng trên cơ sở thực hiện đúng quy định của các luật thuế, chế độ thu và các cam kết về thuế trong hội nhập quốc tế; thực hiện chính sách động viên hợp lý nhằm khuyến khích doanh nghiệp tích tụ để phát triển sản xuất kinh doanh, đảm bảo môi trường kinh doanh ổn định, thuận lợi, bình đẳng; đẩy mạnh thực hiện các giải pháp giảm chi phí sản xuất; tăng sức cạnh tranh và hiệu quả nền kinh tế, ổn định kinh tế vĩ mô; đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế; tiếp tục sắp xếp, đổi mới và nâng cao hiệu quả doanh nghiệp nhà nước; tạo nguồn thu ổn định, vững chắc, đảm bảo nguồn lực tài chính Nhà nước thực hiện những nhiệm vụ quan

trọng, tăng đầu tư xã hội, tăng tiềm lực tài chính của đất nước, tạo đà cho bước phát triển các năm tiếp theo.

- Tập trung bố trí ngân sách nhằm tạo bước chuyển quan trọng trong việc thực hiện những nhiệm vụ chiến lược của đất nước: Đảm bảo vốn đầu tư dự án, công trình trọng điểm quốc gia; các Chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình xóa đói giảm nghèo; chú trọng đầu tư phát triển kinh tế - xã hội các tỉnh miền núi và trung du Bắc Bộ, duyên hải miền Trung, Tây nguyên, Tây Nam Bộ, vùng biên giới khó khăn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số; phát triển sự nghiệp giáo dục - đào tạo, khoa học và công nghệ theo Nghị quyết Trung ương 2 (Khóa VIII); tăng mức đầu tư cho nhiệm vụ bảo vệ môi trường theo Nghị quyết 41 của Bộ Chính trị; tăng đầu tư phát triển lĩnh vực y tế, văn hóa,...; tăng mức kinh phí thực hiện công tác xóa đói giảm nghèo theo yêu cầu chuẩn nghèo mới; đảm bảo quốc phòng, an ninh, giữ vững trật tự an toàn xã hội; đảm bảo kinh phí thực hiện chính sách, chế độ đối với từng ngành, từng vùng; đẩy mạnh xã hội hóa lĩnh vực giáo dục - đào tạo, y tế, văn hóa, thể dục thể thao,... Thực hiện đầy đủ cơ chế mới về quản lý tài chính, quản lý biên chế, phát triển nhiệm vụ chuyên môn đối với đơn vị sự nghiệp có thu, mở rộng khoán kinh phí, khoán biên chế đối với cơ quan hành chính nhà nước theo quy định của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ; thực hiện

đầy đủ chính sách tạo nguồn cải cách tiền lương. Bố trí dự toán ngân sách tập trung chặt chẽ, tiết kiệm, hiệu quả chống lãng phí, dàn trải, phân tán. Cân đối NSNN, ngân sách từng địa phương tích cực, vững chắc; đảm bảo an ninh tài chính quốc gia, an toàn ngân sách từng địa phương.

II. MỘT SỐ NỘI DUNG CHỦ YẾU

Dự toán NSNN năm 2006 và giai đoạn 2006 - 2010 xây dựng theo quy định của Luật NSNN, Nghị định 60/2003/NĐ-CP ngày 06/6/2003 của Chính phủ, Chỉ thị số 18/2005/CT-TTg ngày 31/5/2005 của Thủ tướng Chính phủ và Thông tư 59/2003/TT-BTC ngày 23/6/2003 của Bộ Tài chính và các văn bản khác có liên quan, trong đó chú ý một số nội dung chủ yếu sau:

1. Công tác xây dựng dự toán thu ngân sách nhà nước năm 2006 và giai đoạn 2006 - 2010:

1.1. Dự toán thu phải được xây dựng trên cơ sở phân tích, dự báo đầy đủ về tăng trưởng kinh tế, sự biến động của thị trường, giá cả...; thực hiện các biện pháp khuyến khích sản xuất kinh doanh, mở rộng thị trường, tăng xuất khẩu, thực hiện đầy đủ các cam kết theo tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế (AFTA, WTO...). Cụ thể hóa đối với ngành, địa phương mình những chỉ tiêu phát triển kinh tế -

xã hội năm 2006 Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo tại Chỉ thị số 18/2005/CT-TTg: Tăng trưởng GDP trên 8%, giá trị gia tăng ngành công nghiệp tăng 10,5%, giá trị gia tăng ngành dịch vụ tăng 8%, giá trị gia tăng của ngành nông nghiệp tăng trên 3,5%,..v.v... để làm cơ sở xây dựng dự toán NSNN năm 2006 và giai đoạn 2006 - 2010.

1.2. Triển khai thực hiện các Luật Thuế và Pháp lệnh Thuế đã được Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội quyết định. Đối với năm 2006 chú ý những chế độ chính sách thu sửa đổi, bổ sung hướng dẫn trong năm 2005, như: Thông tư số 12/2005/TT-BTC ngày 04/02/2005 sửa đổi, bổ sung một số điểm hướng dẫn thi hành Nghị định số 147/2004/NĐ-CP ngày 23/7/2004 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh thuế thu nhập đối với người có thu nhập cao; Thông tư số 05/2005/TT-BTC ngày 11/01/2005 của Bộ Tài chính về hướng dẫn chế độ thuế áp dụng đối với các tổ chức nước ngoài không có tư cách pháp nhân và cá nhân nước ngoài kinh doanh hoặc có thu nhập phát sinh tại Việt Nam; Thông tư số 18/2005/TT-BTC ngày 08/3/2005 sửa đổi, bổ sung một số điểm về hướng dẫn thi hành Nghị định số 149/2003/NĐ-CP ngày 14/12/2003 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt,...

1.3. Tổ chức thực hiện tốt công tác quản lý thu NSNN; tăng cường các biện pháp quản lý thu, chống thất thu, nợ đọng thuế; chống gian lận thương mại, trốn thuế.

1.4. Dự toán thu NSNN phải tính đúng, tính đủ các khoản thu theo quy định của luật thuế và các chế độ thu hiện hành. Dự toán thu NSNN xây dựng tích cực, vững chắc, có tính khả thi cao; ở phạm vi toàn quốc mức động viên phấn đấu đạt trên 22% so với GDP, trong đó thu thuế và phí đạt trên 21% so với GDP. Đối với các Bộ, ngành và các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương dự toán thu nội địa (không kể thu từ dầu thô, thu tiền sử dụng đất) tăng tối thiểu 12 - 14% so với thực hiện năm trước (đối với mức thực hiện năm 2005 yêu cầu phấn đấu tăng tối thiểu 5% so với dự toán thu Thủ tướng Chính phủ đã giao).

Thực hiện xây dựng dự toán thu cụ thể đối với từng lĩnh vực thu: thu từ kinh tế quốc doanh, thu từ các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, thu ngoài quốc doanh,... Trong từng lĩnh vực tính toán theo từng sắc thuế; xây dựng từ cơ sở sản xuất kinh doanh. Xây dựng, báo cáo rõ dự toán các khoản thu cân đối NSNN, dự toán các khoản thu quản lý qua NSNN theo chế độ quy định. Lập, tổng hợp và báo cáo dự toán thu năm 2006 và giai đoạn 2006 - 2010 theo đúng biểu mẫu quy định tại Thông tư số 59/2003/

TT-BTC ngày 23/6/2003 của Bộ Tài chính và biểu mẫu hướng dẫn bổ sung của Thông tư này.

2. Công tác xây dựng dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2006 và giai đoạn 2006 - 2010:

Trên cơ sở đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2005, giai đoạn 2001 - 2005 và mục tiêu, nhiệm vụ trọng tâm năm 2006, giai đoạn 2006 - 2010, các Bộ, cơ quan quản lý ngành, lĩnh vực ở Trung ương và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, các đơn vị dự toán các cấp lập dự toán chi ngân sách năm 2006, giai đoạn 2006 - 2010 trong phạm vi số kiểm tra dự toán chi ngân sách năm 2006, giai đoạn 2006 - 2010 được Bộ Tài chính thông báo; trên cơ sở chế độ, định mức chi tiêu, căn cứ khối lượng nhiệm vụ được giao, tập trung kinh phí bố trí cho những nhiệm vụ quan trọng chủ yếu, triệt để tiết kiệm chống lãng phí. Xây dựng dự toán chi ngân sách năm 2006, giai đoạn 2006 - 2010 theo từng lĩnh vực. Đồng thời các Bộ, cơ quan trung ương, địa phương khẩn trương triển khai thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp xã hội hóa theo Nghị quyết số 05/2005/NQ-CP ngày 18/4/2005 của Chính phủ.

Tập trung bố trí ngân sách thực hiện các nhiệm vụ quan trọng phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo an ninh, quốc phòng và xóa đói giảm nghèo, trong đó:

2.1. Xây dựng dự toán chi đầu tư phát triển:

Bố trí đảm bảo vốn đối với các công trình trọng điểm theo tiến độ thực hiện, các công trình quan trọng hoàn thành đưa vào sử dụng trong năm; vốn đối ứng cho các dự án ODA theo các cam kết; chủ động bố trí trong dự toán năm 2006 để thanh toán nợ đầu tư XDCB thuộc nguồn vốn ngân sách đã thực hiện từ năm 2005 trở về trước, đồng thời bố trí dự toán và tổ chức thực hiện để từ năm 2006 không để phát sinh nợ XDCB mới; bố trí dự toán ngân sách để hoàn trả đủ số vốn đã được ngân sách tạm ứng phải hoàn trả trong năm theo quy định; vốn chuẩn bị đầu tư đối với những dự án, công trình chuẩn bị khởi công trong năm và những năm tới.

- Ưu tiên tăng vốn đầu tư thực hiện chính sách phát triển kinh tế - xã hội các tỉnh miền núi và trung du Bắc Bộ, duyên hải miền Trung, Tây Nguyên, Tây Nam Bộ, vùng biên giới khó khăn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, các tỉnh địa bàn rộng, đông dân, hạ tầng còn yếu kém; ưu tiên bố trí vốn cho các dự án thuộc chương trình xóa đói giảm nghèo, chương trình 135, dự án trồng mới 5 triệu ha rừng, các dự án định canh, định cư; các cơ sở khám, chữa bệnh của Nhà nước tuyến huyện, xã; các công trình di tích văn hóa quốc gia quan trọng; tiếp tục bố trí vốn đầu tư thủy lợi, phát triển hạ giao thông nông thôn, hạ tầng các khu

phân lũ, chậm lũ, hạ tầng nuôi trồng thủy sản, hạ tầng làng nghề, du lịch, chợ; hỗ trợ các hoạt động xúc tiến thương mại, mở rộng thị trường,...

- Ưu tiên ngân sách, thực hiện các giải pháp huy động các nguồn tài chính thực hiện nhiệm vụ chuyển dịch cơ cấu kinh tế, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn.

- Đối với công trình nhóm C đảm bảo vốn để hoàn thành trong thời hạn không quá 2 năm; đối với công trình nhóm B đảm bảo vốn để hoàn thành trong thời hạn không quá 4 năm; chấm dứt việc bố trí dàn trải, kéo dài thời gian đầu tư không hiệu quả. Chỉ đưa vào dự toán chi ngân sách hàng năm các công trình mới đã hoàn thành thủ tục đầu tư XDCB theo quy định và được duyệt trước tháng 10 năm trước.

- Bố trí chi đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng của địa phương từ nguồn thu tiền sử dụng đất gồm cả nguồn thu sử dụng đất kết chuyển năm trước sang năm sau (nếu có) theo đúng chế độ quy định.

- Chủ các dự án đầu tư từ nguồn vốn vay về cho vay lại phải tự thu xếp vốn đối ứng cho các dự án này phù hợp với nội dung hiệp định đã ký kết và các quy chế tài chính trong nước để không ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện.

- Đối với chi cấp bù chênh lệch lãi suất tín dụng nhà nước, chi cấp phí quản lý

của Quỹ Hỗ trợ phát triển, chi bổ sung dự trù nhà nước,... căn cứ vào tình hình thực hiện năm trước và nhiệm vụ năm dự toán để xây dựng dự toán theo chế độ quy định hiện hành.

- Các Bộ, cơ quan Trung ương và các địa phương đã được Thủ tướng Chính phủ giao nhiệm vụ đầu tư XDCB từ nguồn trái phiếu Chính phủ lập dự toán kinh phí từ nguồn này theo chế độ đã quy định.

2.2. Xây dựng dự toán chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo, khoa học công nghệ, y tế, văn hóa xã hội, thể dục thể thao, sự nghiệp kinh tế, đảm bảo an ninh quốc phòng, quản lý hành chính nhà nước, Đảng, đoàn thể...: căn cứ vào số kiểm tra được thông báo; dự toán ngân sách năm thực hiện được cấp có thẩm quyền giao (không kể những khoản chi phát sinh năm thực hiện, nhưng không phát sinh năm dự toán) và chế độ tiêu chuẩn định mức chi tiêu. Ưu tiên bố trí kinh phí thực hiện những chế độ, chính sách chi đã được ban hành; những nhiệm vụ quan trọng Thủ tướng Chính phủ đã giao cho từng ngành, lĩnh vực.

- Trong phạm vi cả nước, bố trí dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2006 (bao gồm cả chi đầu tư, chi thường xuyên, chi tiền lương tăng thêm) đối với lĩnh vực giáo dục, đào tạo và dạy nghề đạt 18,6%, phần đầu đến năm 2008 đạt 20%; lĩnh vực văn hóa thông tin đạt 1,5%, phần

đầu đến năm 2008 đạt 1,8%; lĩnh vực khoa học và công nghệ đạt 2% và lĩnh vực môi trường trên 1% tổng chi ngân sách nhà nước. Bố trí dự toán chi sự nghiệp y tế bảo đảm những chế độ, định mức, tiêu chuẩn chi đã quy định, kinh phí thực hiện chế độ khám chữa bệnh cho người nghèo, chế độ khám chữa bệnh miễn phí cho trẻ em dưới 6 tuổi.

- Dự toán chi sự nghiệp kinh tế xây dựng căn cứ khôi lượng nhiệm vụ được cấp có thẩm quyền giao và chế độ, định mức chi ngân sách quy định; tập trung cho những nhiệm vụ quan trọng: duy tu bảo dưỡng hệ thống hạ tầng kinh tế - xã hội trọng yếu; nhiệm vụ khuyến nông, khuyến lâm, khuyến ngư; sự nghiệp quản lý địa chính,... góp phần thúc đẩy tăng trưởng, chuyển dịch cơ cấu kinh tế.

- Đối với các đơn vị sự nghiệp có thu xây dựng dự toán chi ổn định theo quy định hiện hành và yêu cầu Nghị quyết 05/2005/NQ-CP ngày 18/4/2005 của Chính phủ. Đối với các nhiệm vụ chi chương trình, đề tài nghiên cứu khoa học cấp Nhà nước - cấp Bộ, chi thực hiện nhiệm vụ nhà nước đặt hàng, vốn đối ứng thực hiện các dự án có vốn nước ngoài và các nhiệm vụ chi quan trọng khác, các đơn vị lập dự toán chi ngân sách theo quy định hiện hành và hướng dẫn tại Thông tư này, đồng thời thuyết minh đầy đủ các căn cứ tính toán.

- Từ năm 2006, chi đào tạo, y tế, khoa

học và công nghệ,... trong các doanh nghiệp, Tổng công ty nhà nước được tính vào chi phí của doanh nghiệp theo chế độ quy định; NSNN không bố trí kinh phí hỗ trợ theo đúng quy định tại Chỉ thị số 18/2005/CT-TTg ngày 31/5/2005 của Thủ tướng Chính phủ.

- Dự toán chi trợ giá các mặt hàng chính sách:

- + Đối với chi trợ cước, trợ giá và cấp không thu tiền một số mặt hàng chính sách, chi hỗ trợ để đầu tư phát triển các trạm phát thanh, truyền thanh cụm dân cư, xã ở các tỉnh miền núi, vùng đồng bào dân tộc cho các địa phương năm 2006 thực hiện ổn định theo mức năm 2005 đã được ngân sách trung ương bổ sung có mục tiêu cho ngân sách địa phương.

- + Dự toán chi thực hiện chính sách cấp không thu tiền một số loại báo, tạp chí cho vùng dân tộc thiểu số và miền núi thực hiện theo quy định tại Quyết định số 1637/QĐ-TTg ngày 31/12/2001, Văn bản số 1423/CP-VX ngày 30/9/2004 của Chính phủ.

- + Dự toán chi trợ giá xuất bản, trợ giá giữ giống gốc,... thực hiện theo chế độ hiện hành. Các Bộ, cơ quan trung ương, địa phương, đơn vị cần tính toán chi trợ giá trên cơ sở xác định số lượng, giá thành, chi phí vận chuyển, mức trợ giá cụ thể cho từng mặt hàng theo chế độ quy định.

- Dự toán chi quản lý hành chính Nhà nước, Đảng, đoàn thể: Đối với các cơ quan hành chính Nhà nước thực hiện thí điểm việc khoán biên chế và kinh phí quản lý hành chính xây dựng dự toán ngân sách theo quy định hiện hành.

- Đối với những nhiệm vụ chi sử dụng từ nguồn vốn vay nợ, viện trợ lập dự toán chi tiết theo từng dự án và tính toán đủ số vốn đối ứng của phía Việt Nam theo cam kết và chế độ quy định.

- Lập dự toán chi của các đơn vị hành chính Nhà nước, các đơn vị sự nghiệp phải thể hiện đầy đủ các nhiệm vụ chi từ nguồn thu phí, lệ phí và thu khác được để lại đơn vị chi theo chế độ quy định.

2.3. Bố trí dự toán ngân sách và huy động các nguồn tài chính thực hiện cải cách tiền lương theo Đề án cải cách chế độ tiền lương giai đoạn 2003 - 2007 đã được quyết định: Các Bộ, ngành, cơ quan trung ương, các địa phương và đơn vị sử dụng ngân sách xây dựng dự toán ngân sách thực hiện cải cách tiền lương trên cơ sở tiếp tục thực hiện các biện pháp tạo nguồn cải cách tiền lương ở từng cơ quan, đơn vị từ các nguồn thu được để lại theo chế độ (tối thiểu 40%, riêng ngành y tế tối thiểu 35% trừ tiền thuốc, máu, dịch truyền, hóa chất, vật tư thay thế), tiết kiệm chi thường xuyên (không kể tiền lương và các khoản có tính chất lương) tối thiểu 10%, các nguồn thực hiện cải cách tiền lương năm trước chưa sử dụng hết

(nếu có) chuyển sang năm sau để tiếp tục thực hiện. Ngân sách địa phương sử dụng tối thiểu 50% tăng thu hàng năm để thực hiện; đối với năm 2006 sử dụng tối thiểu 50% nguồn tăng thu năm 2005 và dự toán thu năm 2006 so dự toán 2004 (không kể thu tiền sử dụng đất) để tạo nguồn thực hiện cải cách tiền lương. Sau khi đã sử dụng các nguồn trên mà còn thiếu, Ngân sách trung ương hỗ trợ đảm bảo đủ nguồn để thực hiện cải cách tiền lương theo chế độ quy định.

Ngân sách trung ương, ngân sách các cấp chính quyền địa phương bố trí dự phòng, ngân sách cấp tỉnh bố trí dự trữ tài chính theo quy định của Luật NSNN để chủ động đối phó với thiên tai và xử lý những nhiệm vụ cấp bách phát sinh ngoài dự toán.

Các Bộ, cơ quan Trung ương, các địa phương, đơn vị dự toán các cấp phải dự kiến đầy đủ những nhiệm vụ sẽ phát sinh trong năm dự toán; trên cơ sở đó bố trí dự toán đảm bảo thực hiện những nhiệm vụ quan trọng được giao và cả những nhiệm vụ mới phát sinh; không để xảy ra tình trạng trong tổ chức thực hiện lại đề nghị bổ sung ngoài dự toán. Không bổ sung từ nguồn dự phòng cho những nhiệm vụ chi mà các Bộ, cơ quan trung ương và địa phương khi xây dựng, phân bổ dự toán ngân sách được giao không bố trí đầy đủ kinh phí theo chế độ quy định để thực hiện.

2.4. Chi thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia, dự án quan trọng:

- Các Bộ, cơ quan quản lý chương trình mục tiêu phối hợp Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính tổ chức tổng kết đánh giá kết quả thực hiện giai đoạn 2001 - 2005; đề xuất những chương trình, dự án chấm dứt thực hiện để chuyển thành nhiệm vụ thường xuyên, những chương trình, dự án cần tiếp tục thực hiện trong giai đoạn 2006 - 2010; xác định rõ mục tiêu, nhiệm vụ cụ thể từng năm trong việc thực hiện chương trình, dự án; cơ chế chính sách quản lý đối với các chương trình, dự án để trình Thủ tướng Chính phủ quyết định.

- Căn cứ số kiểm tra dự toán ngân sách thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình 135, dự án trồng mới 5 triệu ha rừng; các Bộ, cơ quan quản lý chương trình, dự án dự kiến phân bổ dự toán chi chương trình mục tiêu, dự án cho các Bộ, cơ quan trung ương và các địa phương.

- Các Bộ, cơ quan Trung ương và các địa phương xây dựng dự toán chi các chương trình mục tiêu quốc gia, Chương trình 135, Dự án trồng mới 5 triệu ha rừng theo số kiểm tra được thông báo và các văn bản hướng dẫn.

2.5. Các Bộ, cơ quan Trung ương, các địa phương xây dựng dự toán chi phải chặt chẽ và chi tiết đối với từng nhiệm vụ, từng đơn vị sử dụng ngân sách trực

969086

thuộc để khi nhận được dự toán ngân sách Thủ tướng Chính phủ giao thực hiện phân bổ và giao đổi với đơn vị sử dụng ngân sách đảm bảo trước ngày 31 tháng 12 theo đúng quy định của Luật NSNN.

3. Xây dựng dự toán NSNN đảm bảo cân đối ngân sách nhà nước, cân đối ngân sách các cấp chính quyền địa phương theo quy định của Luật NSNN và Chỉ thị số 18/2005/CT-TTg ngày 31/5/2005 của Thủ tướng Chính phủ:

- Dự toán thu thuế và phí của NSNN đảm bảo chi thường xuyên, trả các khoản nợ đến hạn và kinh phí thực hiện cải cách tiền lương, có tích lũy cho đầu tư phát triển. Bội chi NSNN ở mức không lớn hơn 5% GDP, phù hợp với khả năng vay trong nước và vay ưu đãi ngoài nước, không vay thương mại ngoài nước để bù đắp bội chi ngân sách nhà nước.

- Các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương xây dựng dự toán chi ngân sách địa phương không được vượt quá nguồn thu ngân sách địa phương được hưởng và số bổ sung cân đối (nếu có) từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương theo mức ổn định như mức dự toán năm 2005 Thủ tướng Chính phủ đã giao cho địa phương.

Đối với những tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương cần huy động thêm vốn để tăng đầu tư phát triển phải xây dựng dự toán theo đúng quy định tại khoản 3

Điều 8 Luật NSNN đảm bảo mức dư nợ huy động (kể cả số dự kiến huy động năm 2006) không vượt quá 30% (đối với thành phố Hà Nội, Hồ Chí Minh là 100%) dự toán chi đầu tư XDCB của ngân sách cấp tỉnh của địa phương.

4. Về xây dựng dự toán ngân sách địa phương:

4.1. Trên cơ sở thực hiện ngân sách năm 2005, giai đoạn 2001 - 2005, các địa phương căn cứ mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của địa phương mình năm 2006, giai đoạn 2006 - 2010 và các nội dung xây dựng dự toán ngân sách nhà nước đã hướng dẫn ở các phần trên; tổ chức xây dựng dự toán ngân sách địa phương năm 2006, giai đoạn 2006 - 2010. Đồng thời chú ý những nội dung chủ yếu sau:

- Xây dựng dự toán thu NSNN trên địa bàn: Trên cơ sở dự báo tăng trưởng kinh tế đối với từng ngành, từng lĩnh vực, các cơ sở kinh tế và những nguồn thu mới phát sinh trên địa bàn địa phương, xây dựng dự toán thu đối với từng lĩnh vực, từng khoản thu theo chế độ quy định, dự toán thu nội địa từ nguồn thu thuế và phí (chưa kể nguồn thu từ dầu thô và thu tiền sử dụng đất) giai đoạn 2006 - 2010 tăng tối thiểu bình quân 12 - 14%/năm; năm 2006 tăng tối thiểu 12 - 14% so với ước thực hiện năm 2005, trên cơ sở đánh giá thu NSNN năm 2005 tăng tối thiểu 5% so với dự toán Thủ tướng Chính phủ giao.

- Xây dựng dự toán chi ngân sách địa phương: Căn cứ vào nguồn ngân sách địa phương được hưởng theo quy định đối với năm ngân sách trong thời kỳ ổn định 2004 - 2006 đã được hưởng dẫn phương pháp tính tại Thông tư số 59/2003/TT-BTC ngày 23/6/2003 của Bộ Tài chính; căn cứ nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của địa phương năm 2006, giai đoạn 2006 - 2010, chế độ chính sách, định mức chi hiện hành; xây dựng dự toán chi ngân sách năm 2006, giai đoạn 2006 - 2010 cụ thể đối với từng lĩnh vực với nhu cầu chi hợp lý, bảo đảm thứ tự nhiệm vụ ưu tiên và các hướng dẫn tại điểm 2, Mục II, Phần B Thông tư này, đồng thời thực hiện những nội dung chủ yếu sau:

+ Ưu tiên kinh phí thực hiện nhiệm vụ xây dựng cơ sở hạ tầng, tập trung đầu tư những dự án, công trình trọng điểm của địa phương; chủ động bố trí ngân sách địa phương thực hiện mục tiêu kiên cố hóa trường học, xóa phòng học 3 ca, phòng học tranh, tre, nứa, lá, đầu tư kiên cố hóa kênh mương và đường giao thông nông thôn; hạ tầng làng nghề, du lịch; thực hiện phát triển giống cây trồng, vật nuôi; chuyển đổi cơ cấu kinh tế; xúc tiến thương mại, mở rộng và tìm kiếm thị trường xuất khẩu; chú trọng thực hiện nhiệm vụ xóa đói, giảm nghèo, tạo việc làm, đấu tranh với các tệ nạn xã hội;...

+ Bố trí đủ vốn đối ứng cho các dự án ODA hoặc hợp phần dự án ODA thực hiện trên địa bàn thuộc trách nhiệm của

địa phương theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ. Chủ động tính toán bố trí trong dự toán chi XDCB nguồn để xử lý dứt điểm các khoản nợ XDCB, nợ của ngân sách xã và các khoản công nợ khác.

+ Bố trí dự toán chi đầu tư xây dựng cơ bản của ngân sách địa phương tương ứng với số thu tiền sử dụng đất để đầu tư các công trình kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội.

+ Xây dựng phương án huy động vốn đầu tư cơ sở hạ tầng ở địa phương, bố trí ngân sách địa phương đảm bảo hoàn trả đủ các khoản đến hạn phải trả theo đúng quy định tại khoản 3 Điều 8 Luật Ngân sách Nhà nước.

+ Bố trí kinh phí thực hiện các Nghị quyết Trung ương 2 (khóa VIII) đối với lĩnh vực giáo dục - đào tạo và khoa học công nghệ, Nghị quyết 41 của Bộ Chính trị đối với nhiệm vụ bảo vệ môi trường thuộc nhiệm vụ chi ngân sách địa phương.

+ Bố trí dự phòng ngân sách địa phương, bổ sung quỹ dự trữ tài chính theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, để chủ động ứng phó với thiên tai, lũ lụt, dịch bệnh và xử lý những nhiệm vụ cấp bách ở địa phương.

+ Xây dựng dự toán chi thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình 135, dự án trồng mới 5 triệu ha rừng trên cơ sở hướng dẫn về mục tiêu, nhiệm vụ của các Bộ, cơ quan quản lý

chương trình mục tiêu, dự án, khả năng bố trí ngân sách địa phương và số kiểm tra hỗ trợ từ NSTW được thông báo.

+ Đối với các nhiệm vụ đầu tư hạ tầng theo các quyết định của Thủ tướng Chính phủ như: Quyết định số 168/2001/QĐ-TTg ngày 30/10/2001, Quyết định số 186/2001/QĐ-TTg ngày 07/12/2001, Quyết định số 120/2003/QĐ-TTg ngày 11/6/2003, Quyết định số 134/2004/QĐ-TTg ngày 20/7/2004 của Thủ tướng Chính phủ,... căn cứ mục tiêu nhiệm vụ và nhu cầu nguồn vốn đầu tư đã quy định; căn cứ kết quả đã đầu tư, thực hiện năm 2005, giai đoạn 2001 - 2005, các địa phương xây dựng, tính toán nhiệm vụ năm 2006, giai đoạn 2006 - 2010, trong đó chủ động bố trí, sắp xếp ngân sách địa phương và các nguồn tài chính theo chế độ quy định để thực hiện các nhiệm vụ trên, dự kiến mức đề nghị ngân sách trung ương hỗ trợ kèm theo thuyết minh các căn cứ tính toán.

+ Xây dựng dự toán chi ngân sách năm 2006, giai đoạn 2006 - 2010, các địa phương bố trí các nguồn để thực hiện chi cải cách tiền lương theo quy định tại điểm 2.3, Mục II, Phần B.

4.2. Ngân sách địa phương năm 2006 trong thời kỳ ổn định ngân sách (2004 - 2006) theo quy định của Luật Ngân sách Nhà nước, Ủy ban nhân dân các cấp chủ động xây dựng dự toán ngân sách địa phương minh trên cơ sở nguồn thu và

nhiệm vụ chi đã được phân cấp ổn định; dự toán ngân sách các cấp địa phương năm 2006 được xây dựng trên cơ sở: nguồn thu được xác định căn cứ tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu phân chia giữa các cấp ngân sách, nguồn thu ngân sách địa phương được hưởng 100% theo quy định của Luật NSNN và số bổ sung cân đối từ ngân sách cấp trên cho ngân sách cấp dưới (nếu có) được ổn định theo mức dự toán năm 2005 đã được Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Hội đồng nhân dân quyết định, Thủ tướng Chính phủ, Ủy ban nhân dân cấp trên giao.

C. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các Bộ, cơ quan nhà nước theo chức năng, nhiệm vụ được phân công, có trách nhiệm xây dựng các chỉ tiêu kinh tế - xã hội thuộc lĩnh vực phụ trách và thông báo kịp thời cho Bộ Tài chính, các Bộ, cơ quan trung ương và các địa phương trước ngày 01/7/2005 để làm cơ sở cho việc lập dự toán ngân sách nhà nước năm 2006 và giai đoạn 2006 - 2010.

2. Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính lập dự toán năm 2006 và dự kiến mức kinh phí giai đoạn 2006 - 2010 về chi đầu tư phát triển, phương án phân bổ chi đầu tư phát triển một số lĩnh vực của ngân sách trung ương được phân công gửi Bộ Tài chính trước ngày 10/9/2005.

09689086

Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVietPhapLuat.com

LawSoft

3. Các Bộ, cơ quan trung ương quản lý các chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình 135 và dự án trồng mới 5 triệu ha rừng phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính đánh giá kết quả thực hiện giai đoạn 2001 - 2005, để xuất các chương trình mục tiêu quốc gia, cơ chế chính sách thực hiện giai đoạn 2006 - 2010 trình cấp có thẩm quyền quyết định. Trên cơ sở đó xác định nhiệm vụ và xây dựng dự toán kinh phí năm 2006 và dự kiến mức kinh phí 2006 - 2010 đối với các chương trình mục tiêu, dự án và dự kiến mức dự toán đối với từng Bộ, cơ quan trung ương và từng địa phương gửi Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và đầu tư trước 30/7/2005.

4. Các Bộ, cơ quan trung ương và Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương căn cứ Thông tư này và số kiểm tra về dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2006 và giai đoạn 2006 - 2010 do Bộ Tài chính thông báo: hướng dẫn và thông báo số kiểm tra về dự toán thu, chi ngân sách cho các đơn vị dự toán trực thuộc và ngân sách cấp dưới.

Các Bộ, các ngành, địa phương căn cứ tình hình thực hiện thu, chi giai đoạn 2001 - 2005; kế hoạch nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2006 - 2010 triển khai lập kế hoạch thu, chi NSNN giai đoạn 2006 - 2010 của toàn ngành, lĩnh vực Bộ, địa phương được phân công quản lý (bao gồm chi đầu tư phát triển, từng lĩnh vực chi thường

xuyên; dự toán thực hiện Chương trình mục tiêu được giao trực tiếp quản lý) cùng với việc lập dự toán ngân sách năm 2006, gửi Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

Các Bộ, cơ quan Trung ương và các địa phương tổ chức công tác xây dựng, tổng hợp và báo cáo dự toán ngân sách năm 2006 và giai đoạn 2006 - 2010 theo đúng quy định của Luật NSNN, các văn bản hướng dẫn và những nội dung hướng dẫn của Thông tư này; báo cáo đầy đủ, nội dung, biểu mẫu theo quy định của Thông tư số 59/2003/TT-BTC ngày 23/6/2003 của Bộ Tài chính và các biểu mẫu có liên quan quy định tại Thông tư này; gửi Bộ Tài chính trước ngày 20/7/2005 (đối với các Bộ, cơ quan trung ương) trước ngày 25/7/2005 (đối với các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương).

5. Bộ Tài chính tổ chức làm việc để thảo luận về dự toán ngân sách năm 2006 và giai đoạn 2006 - 2010 với các Tổng công ty 91 từ khoảng cuối tháng 6 năm 2005, với các Bộ, cơ quan trung ương từ khoảng cuối tháng 7 năm 2005 (lịch làm việc cụ thể sẽ thông báo sau).

Đối với các địa phương, dự toán ngân sách năm 2006 là năm ngân sách trong thời kỳ ổn định theo quy định của Luật NSNN, Bộ Tài chính thực hiện làm việc với Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương để thảo luận về

dự toán ngân sách năm 2006 khi Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố yêu cầu. Những địa phương có yêu cầu làm việc về dự toán ngân sách năm 2006, đề nghị đăng ký lịch làm việc với Bộ Tài chính trước ngày 25/7/2005 để bố trí (dự kiến thời gian làm việc xong trước ngày 01/9/2005), bảo đảm thời gian tổng hợp, báo cáo Chính phủ và các cơ quan của Quốc hội về dự toán ngân sách nhà nước năm 2006.

6. Tổng cục thuế, Tổng cục hải quan có nhiệm vụ hướng dẫn chi tiết Thông tư này cho các đơn vị trực thuộc để thực hiện xây dựng, tổng hợp và báo cáo dự toán thu ngân sách nhà nước năm 2006 và giai đoạn 2006 - 2010 thuộc lĩnh vực được giao.

7. Về biểu mẫu lập và báo cáo dự toán ngân sách năm 2006 và giai đoạn 2006 - 2010:

- Đối với các Bộ, cơ quan Trung ương tổng hợp và báo cáo Bộ Tài chính dự toán NSNN theo các biểu mẫu và thời gian quy định tại Thông tư số 59/2003/TT-BTC ngày 23/6/2003 của Bộ Tài chính và các biểu mẫu bổ sung (biểu số 2b, 2c, 3b, 3c, 4) quy định tại Thông tư này.

- Đối với các địa phương: Tổng hợp lập dự toán ngân sách địa phương, báo cáo Bộ Tài chính theo các mẫu biểu (biểu số 01, 02, 06, 07, 10, 12, 13, 14, 16, 17, 18, 19, 20, 21, 22, 23 - Phụ lục số 6) và thời gian quy định tại Thông tư số 59/2003/TT-BTC ngày 23/6/2003 của Bộ Tài chính và các biểu mẫu bổ sung (biểu số 1, 2a, 3a, 5, 6a, 6b, 7a, 7b, 8a, 8b) quy định tại Thông tư này.

8. Thông tư này có hiệu lực sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo.

Trong quá trình xây dựng dự toán ngân sách giai đoạn 2006 - 2010, nhất là dự toán năm 2006 khi có những chính sách chế độ mới ban hành, Bộ Tài chính sẽ có thông báo hướng dẫn bổ sung; trong công tác tổ chức xây dựng dự toán ngân sách năm 2006 và giai đoạn 2006 - 2010 nếu có những vướng mắc đề nghị các Bộ, cơ quan trung ương, địa phương, Tổng công ty 91 phản ánh về Bộ Tài chính để kịp thời xử lý./.

KT. BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI CHÍNH

Thứ trưởng

Trần Văn Tá

PHỤ LỤC

BIỂU MẪU BỔ SUNG LẬP DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2006
*(ban hành kèm theo Thông tư số 44/2005/TT-BTC
ngày 03/6/2005 của Bộ Tài chính).*

Biểu số 1: Tổng hợp kết quả thực hiện các chỉ tiêu kinh tế - xã hội 5 năm 2001 - 2005 và định hướng giai đoạn 2006 - 2010 (*dùng cho các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương*)

Biểu số 2a: Đánh giá nhiệm vụ thu, chi ngân sách 5 năm 2001 - 2005 (*dùng cho các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương*)

Biểu số 2b: Đánh giá nhiệm vụ thu, chi NSNN giai đoạn 2001 - 2005 (*dùng cho các Bộ, cơ quan Trung ương*)

Biểu số 2c: Đánh giá nguồn lực đầu tư phát triển ngành, lĩnh vực giai đoạn 2001 - 2005 (*dùng cho các Bộ, cơ quan Trung ương quản lý ngành, lĩnh vực*)

Biểu số 3a: Dự kiến nhiệm vụ thu, chi ngân sách 5 năm 2006 - 2010 (*dùng cho các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương*)

Biểu số 3b: Dự kiến nhiệm vụ thu, chi NSNN giai đoạn 2006 - 2010 (*dùng cho các Bộ, cơ quan Trung ương*)

Biểu số 3c: Dự kiến nguồn lực đầu tư phát triển ngành, lĩnh vực giai đoạn 2006 - 2010 (*dùng cho các Bộ, cơ quan Trung ương quản lý ngành, lĩnh vực*)

Biểu số 4: Báo cáo tổng hợp nguồn để thực hiện cải cách tiền lương năm 2006 (*dùng cho các Bộ, cơ quan Trung ương*)

Biểu số 5: Báo cáo nguồn kinh phí để thực hiện cải cách tiền lương năm 2006 (*dùng cho các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương*)

Biểu số 6a: Tổng hợp nhu cầu vốn bổ sung có mục tiêu từ ngân sách Trung ương năm 2006 để thực hiện các dự án, nhiệm vụ quan trọng đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt

Biểu số 6b: Tổng hợp nhu cầu vốn bổ sung có mục tiêu từ ngân sách Trung ương năm 2006 để tiếp tục thực hiện các chính sách Nhà nước mới ban hành trong thời gian ổn định ngân sách (2004 - 2006)

Biểu số 7a: Báo cáo kết quả huy động vốn đầu tư phát triển theo quy định tại khoản 3 Điều 8 Luật NSNN, dư nợ ngân sách địa phương giai đoạn 2001 - 2005

Biểu số 7b: Định hướng công tác huy động vốn đầu tư phát triển theo quy định tại khoản 3 Điều 8 Luật NSNN, dư nợ ngân sách địa phương giai đoạn 2006 - 2010

Biểu số 8a: Báo cáo kết quả huy động vốn đầu tư xã hội giai đoạn 2001 - 2005 (*dùng cho các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương*)

Biểu số 8b: Định hướng công tác huy động vốn đầu tư xã hội giai đoạn 2006 - 2010 (*dùng cho các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương*)

TỔNG HỢP KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC CHỈ TIÊU KINH TẾ - XÃ HỘI 5 NĂM (2001 - 2005)

VÀ ĐỊNH HƯỚNG GIAI ĐOẠN 2006 - 2010

Tỉnh, thành phố:.....

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	KH 5 năm 2001 - 2005	Thực hiện năm 2001	Thực hiện năm 2002	Thực hiện năm 2003	Thực hiện năm 2004	ÚTH năm 2005	Khả năng TH năm 2001 - 2005	Dự kiến năm 2006	Định hướng giai đoạn 2006 - 2010
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
1. Diện tích	ha									
Trong đó:										
- Đất nông nghiệp	ha									
- Đất lâm nghiệp	ha									
2. Dân số	người									
Trong đó:										
- Trẻ em dưới 6 tuổi	người									
3. Đơn vị hành chính cấp huyện	huyện									
4. Đơn vị hành chính cấp xã	xã									
5. Tổng sản phẩm trong nước (GDP)	%									
Trong đó:										
- Ngành công nghiệp xây dựng	%									
- Ngành nông lâm thủy sản	%									
- Ngành dịch vụ	%									
6. Cơ cấu kinh tế										

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	KH 5 năm 2001 - 2005	Thực hiện năm 2001	Thực hiện năm 2002	Thực hiện năm 2003	Thực hiện năm 2004	UTH năm 2005	Khả năng TH 2001 - 2005	Dự kiến năm 2006	Định hướng giai đoạn 2006 - 2010
		1	2	3	4	5	6	7	8	9
- Ngành công nghiệp xây dựng	tỷ đồng									
- Ngành nông lâm thủy sản	tỷ đồng									
- Ngành dịch vụ	tỷ đồng									
7. Kim ngạch xuất nhập khẩu	triệu USD									
Trong đó:										
- Kim ngạch xuất khẩu	triệu USD									
- Kim ngạch nhập khẩu	triệu USD									
8. Giải quyết việc làm	người									
9. Số lượt khách du lịch	người									
10. Số hộ nghèo	hộ									
- Tỷ lệ hộ nghèo	%									
11. Tốc độ tăng dân số	%									
12. Số doanh nghiệp trên địa bàn	doanh nghiệp									
Trong đó:										
- Doanh nghiệp trung ương										
+ Số doanh nghiệp	doanh nghiệp									
+ Tổng số vốn kinh doanh	triệu đồng									
+ Số nộp ngân sách	triệu đồng									
- Doanh nghiệp địa phương										
+ Số doanh nghiệp	doanh nghiệp									

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	KH 5 năm 2001 - 2005	Thực hiện năm 2001	Thực hiện năm 2002	Thực hiện năm 2003	Thực hiện năm 2004	UTH năm 2005	Khả năng TH 2001 - 2005	Dự kiến năm 2006	Định hướng giai đoạn 2006 - 2010
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
+ Số hộ quản lý thu cố định	hộ									
+ Số nộp ngân sách	triệu đồng									
13. Giáo dục, đào tạo										
- Số giáo viên	người									
- Quỹ lương	triệu đồng									
- Số học sinh	người									
Trong đó học sinh thuộc diện nội trú, gồm:										
+ Học sinh học trường dân tộc nội trú	người									
+ Học sinh không học trường nội trú mà học tại các trường bán, công lập khác	người									
14. Y tế:										
- Cơ sở khám chữa bệnh	cơ sở									
- Số giường bệnh	giường									
Trong đó:										
+ Giường bệnh cấp tỉnh	giường									
+ Giường bệnh cấp huyện	giường									
+ Giường phòng khám khu vực	giường									

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	KH 5	Thực hiện	Thực hiện	Thực hiện	Thực hiện	UTH	Khả năng	Dự kiến	Định hướng
		năm 2001 - 2005	năm 2001	năm 2002	năm 2003	năm 2004	năm 2005	TH 2001 - 2005	năm 2006	giai đoạn 2006 - 2010
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
16. Thực hiện chương trình kiên cố hóa KM, GTNT, CSHT nuôi trồng thủy sản, CSHT làng nghề ở nông thôn										
- Số vốn đã vay từ quỹ HTPT	triệu đồng									
- Số vốn ngân sách địa phương	triệu đồng									
- Vốn huy động trong dân cư	triệu đồng									
- Số km đường GTNT	km									
- Số km kiên cố hóa kênh mương	km									
- Số CSHT nuôi trồng thủy sản	công trình									
- Số CSHT làng nghề nông thôn	công trình									
17. Thực hiện chương trình kiên cố hóa trường, lớp học										
- Số phòng học được kiên cố hóa	phòng									
- Số kinh phí thực hiện	triệu đồng									

ĐÁNH GIÁ NHIỆM VỤ THU, CHI NGÂN SÁCH 5 NĂM 2001 - 2005

TỈNH, THÀNH PHỐ:.....

Đơn vị: Triệu đồng

Số thứ tự	Chỉ tiêu	Mục tiêu, nhiệm vụ theo Nghị quyết đại hội tỉnh Đảng bộ đề ra	Thực hiện giai đoạn 2001 - 2005						So sánh (%)					
			2001	2002	2003	2004	2005	Tổng số	2002/ 2001	2003/ 2002	2004/ 2003	2005/ 2004	Thực hiện/ Nghị quyết đại hội tỉnh Đảng bộ	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	
I	THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN													
1	Thu nội địa													
	Trong đó:													
1.1	Thu từ doanh nghiệp Nhà nước													
1.2	Thu từ doanh nghiệp có vốn ĐTNN													
1.3	Thu từ khu vực kinh tế NQD													
1.4	Thu tiền sử dụng đất													
2	THU TỪ HOẠT ĐỘNG XUẤT NHẬP KHẨU													
	Trong đó:													
2.1	Thuế XK, thuế NK và TTĐB hàng NK													

1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
III	SỐ BỔ SUNG TỪ NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG												
3.1	Số bổ sung cân đối												
3.2	Số bổ sung có mục tiêu												
	- Chương trình mục tiêu quốc gia												
	- Chương trình 135												
	- Dự án trồng mới 5 triệu ha rừng												
	- Chương trình, dự án quan trọng khác												

....., ngày..... tháng..... năm 2005
 TM. Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố
 Chủ tịch

ĐÁNH GIÁ NHIỆM VỤ THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC GIAI ĐOẠN 2001 - 2005

Của Bộ, cơ quan Trung ương

(biểu dành cho các Bộ, cơ quan Trung ương)

Đơn vị: Triệu đồng

Số thứ tự	Chỉ tiêu	Thực hiện giai đoạn 2001 - 2005						So sánh (%)			
		Năm 2001	Năm 2002	Năm 2003	Năm 2004	Năm 2005	Tổng số	2002/ 2001	2003/ 2002	2004/ 2003	2005/ 2004
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí										
1	Số thu phí, lệ phí										
	- Học phí										
	- Viện phí										
	- Phí, lệ phí khác										
2	Chi từ nguồn thu phí, lệ phí được đền lại										
	- Chi sự nghiệp đào tạo										
	- Chi sự nghiệp y tế										
	- Phí, lệ phí khác										
3	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước										
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước										
I	Chi đầu tư phát triển										
	Trong đó:										
	- Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề										
	- Chi khoa học, công nghệ										
1	Chi đầu tư XDCB										

Số thứ tự	Chỉ tiêu	Thực hiện giai đoạn 2001 - 2005						So sánh (%)			
		Năm 2001	Năm 2002	Năm 2003	Năm 2004	Năm 2005	Tổng số	2002/ 2001	2003/ 2002	2004/ 2003	2005/ 2004
2	Chi đầu tư và hỗ trợ các doanh nghiệp theo chế độ quy định										
3	Chi dự trữ nhà nước										
4	Chi đầu tư phát triển khác										
II	Chi thường xuyên										
1	Chi quốc phòng, an ninh, đặc biệt										
2	Chi sự nghiệp kinh tế										
3	Chi sự nghiệp khoa học, công nghệ										
4	Chi SN giáo dục - đào tạo và dạy nghề										
5	Chi sự nghiệp y tế										
6	Chi sự nghiệp phát thanh truyền hình										
7	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin										
8	Chi sự nghiệp thể dục thể thao										
9	Chi quản lý hành chính										
10	Chi trợ giá các mặt hàng chính sách										
11	Chi khác										
III	Chi chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình 135, dự án trồng mới 5 triệu ha rừng										

..., ngày ... tháng ... năm 2005

Thủ trưởng đơn vị

(Ký tên, đóng dấu)

ĐÁNH GIÁ NGUỒN LỰC ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NGÀNH, LĨNH VỰC GIAI ĐOẠN 2001 - 2005

Của: Bộ, cơ quan Trung ương ...

(Dùng cho các Bộ, cơ quan Trung ương quản lý ngành, lĩnh vực)

Đơn vị: Tỷ đồng

Số thứ tự	Chỉ tiêu	Thực hiện giai đoạn 2001 - 2005						So sánh (%)		
		Năm 2001	Năm 2002	Năm 2003	Năm 2004	Năm 2005	Tổng số	2002/ 2001	2003/ 2002	2004/ 2003
	TỔNG SỐ									
I	Chi NSNN									
1	Chi đầu tư XDCB									
a	<i>NSTW</i>									
b	<i>NSDP</i>									
2	Chi thường xuyên									
a	<i>NSTW</i>									
b	<i>NSDP</i>									
3	Chi CTMTQG									
II	Chi từ nguồn trái phiếu Chính phủ									
III	Chi từ nguồn công trái giáo dục									
IV	Chi từ nguồn thu phí, lệ phí, đóng góp,...									
V	Đầu tư của các cơ sở ngoài công lập									
VI	Đầu tư khác									

..., ngày ... tháng ... năm 2005

Thủ trưởng đơn vị

(Ký tên, đóng dấu)

DỰ KIẾN NHIỆM VỤ THU, CHI NGÂN SÁCH 5 NĂM 2006 - 2010
TỈNH, THÀNH PHỐ:.....

Đơn vị: Triệu đồng

Số thứ tự	Chỉ tiêu	Mục tiêu, nhiệm vụ theo Nghị quyết đại hội tỉnh Đảng bộ đề ra	Dự kiến giai đoạn 2006 - 2010							So sánh (%)				
			2006	2007	2008	2009	2010	Tổng số	2007/ 2006	2008/ 2007	2009/ 2008	2010/ 2009	Thực hiện/ Nghị quyết đại hội tỉnh Đảng bộ	
1	2		3	4	5	6	7	8	9	10	11		12	
I	THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN													
1	Thu nội địa													
	Trong đó:													
1.1	Thu từ doanh nghiệp nhà nước													
1.2	Thu từ doanh nghiệp có vốn ĐTNN													
1.3	Thu từ khu vực kinh tế NQD													
1.4	Thu tiền sử dụng đất													
2	Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu													
	Trong đó:													
2.1	Thuế XK, thuế NK và TTDB hàng NK													

QY
CÔNG BỐ

1	2		3	4	5	6	7	8	9	10	11		12
4	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính												
III	SỐ BỔ SUNG TỪ NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG												
3.1	Số bổ sung cân đối (1)												
3.2	Số bổ sung có mục tiêu (2)												
	- Chương trình mục tiêu quốc gia												
	- Chương trình 135												
	- Dự án trồng mới 5 triệu ha rừng												
	- Chương trình, dự án quan trọng khác												

Ghi chú:

- (1) Đối với năm 2006 được xác định như năm 2005; đối với 2007 - 2010 được thực hiện trong thời kỳ ổn định mới (chênh lệch giữa chi cân đối NSDP và nguồn thu NSDP được hưởng theo phân cấp).
- (2) Số bổ sung để thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình 135, dự án trồng mới 5 triệu ha rừng, các chương trình, dự án quan trọng và các chế độ, chính sách mới.
- (3) Được xác định trên cơ sở nguồn chi cân đối ngân sách địa phương và số bổ sung mục tiêu (nếu có).

....., ngày..... tháng..... năm 2005
TM. Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố
Chủ tịch

DỰ KIẾN NHIỆM VỤ THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC GIAI ĐOẠN 2006 - 2010

Của Bộ, cơ quan Trung ương

(biểu dành cho các Bộ, cơ quan Trung ương)

Đơn vị: Triệu đồng

Số thứ tự	Chỉ tiêu	Dự kiến giai đoạn 2006 - 2010						So sánh (%)				
		Năm 2006	Năm 2007	Năm 2008	Năm 2009	Năm 2010	Tổng số	2006/ 2005	2007/ 2006	2008/ 2007	2009/ 2008	2010/ 2009
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí											
1	Số thu phí, lệ phí											
	- Học phí											
	- Viện phí											
	- Phí, lệ phí khác											
2	Chi từ nguồn thu phí, lệ phí được đê lại											
	- Chi sự nghiệp đào tạo											
	- Chi sự nghiệp y tế											
	- Phí, lệ phí khác											
3	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước											
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước											
I	Chi đầu tư phát triển											
	Trong đó:											
	- Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề											
	- Chi khoa học, công nghệ											

Số thứ tự	Chỉ tiêu	Dự kiến giai đoạn 2006 - 2010							So sánh (%)				
		Năm 2006	Năm 2007	Năm 2008	Năm 2009	Năm 2010	Tổng số	2006/ 2005	2007/ 2006	2008/ 2007	2009/ 2008	2010/ 2009	
1	Chi đầu tư XDCB												
2	Chi đầu tư và hỗ trợ các doanh nghiệp theo chế độ quy định												
3	Chi dự trữ nhà nước												
4	Chi đầu tư phát triển khác												
II	Chi thường xuyên												
1	Chi quốc phòng, an ninh, đặc biệt												
2	Chi sự nghiệp kinh tế												
3	Chi sự nghiệp khoa học, công nghệ												
4	Chi SN giáo dục - đào tạo và dạy nghề												
5	Chi sự nghiệp y tế												
6	Chi sự nghiệp phát thanh truyền hình												
7	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin												
8	Chi sự nghiệp thể dục thể thao												
9	Chi quản lý hành chính												
10	Chi trợ giá các mặt hàng chính sách												
11	Chi khác												
III	Chi chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình 135, dự án trồng mới 5 triệu ha rừng												

..., ngày ... tháng ... năm 2005

Thủ trưởng đơn vị

(Ký tên, đóng dấu)

DỰ KIẾN NGUỒN LỰC ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NGÀNH, LĨNH VỰC GIAI ĐOẠN 2006 - 2010

Của: Bộ, cơ quan Trung ương ...

(Dùng cho các Bộ, cơ quan Trung ương quản lý ngành, lĩnh vực)

Đơn vị: Tỷ đồng

Số thứ tự	Chỉ tiêu	Dự kiến giai đoạn 2006 - 2010						So sánh (%)			
		Năm 2006	Năm 2007	Năm 2008	Năm 2009	Năm 2010	Tổng số	2006/2005	2007/2006	2008/2007	2009/2008
	TỔNG SỐ										
I	Chi NSNN										
1	Chi đầu tư XDCB										
a	<i>NSTW</i>										
b	<i>NSDP</i>										
2	Chi thường xuyên										
a	<i>NSTW</i>										
b	<i>NSDP</i>										
3	Chi CTMTQG										
II	Chi từ nguồn trái phiếu Chính phủ										
III	Chi từ nguồn công trái giáo dục										
IV	Chi từ nguồn thu phí, lệ phí, đóng góp,...										
V	Đầu tư của các cơ sở ngoài công lập										
VI	Đầu tư khác										

..., ngày ... tháng ... năm 2005

Thủ trưởng đơn vị

(Ký tên, đóng dấu)

BÁO CÁO TỔNG HỢP NGUỒN ĐỂ THỰC HIỆN CÁI CÁCH TIỀN LƯƠNG NĂM 2006

Đơn vị: Triệu đồng

Số thứ tự	Lĩnh vực	Nguồn từ 40% số thu được để lại theo chế độ (riêng ngành y tế là 35% sau khi trừ chi phí thuốc, máu, dịch truyền, hóa chất)						Nguồn tiết kiệm 10% chi thường xuyên năm 2006 tăng thêm so năm 2005 (2)	
		Đánh giá thực hiện năm 2005			Dự toán năm 2006				
		Dự toán số thu năm 2005 được để lại đơn vị chi theo chế độ quy định	Ước thực hiện số thu năm 2005 được để lại đơn vị chi theo chế độ quy định	Ước thực hiện số thu 2005 được để lại để thực hiện cải cách tiền lương theo quy định	Dự toán số thu năm 2006 được để lại đơn vị chi theo chế độ quy định	Dự toán số thu được để lại để thực hiện cải cách tiền lương theo quy định	Số thu để thực hiện cải cách tiền lương 2006 (1)		
		1	2	3	4	5	6 = 5 - 3	7	
TỔNG SỐ									
1	Quốc phòng								
2	An ninh								
3	Đặc biệt								
4	SN Đào tạo								
5	SN y tế								
6	SN khoa học, công nghệ								

		1	2	3	4	5	$6 = 5 - 3$	7
7	SN văn hóa thông tin							
8	SN phát thanh, truyền hình							
9	SN thể dục thể thao							
10	SN đảm bảo xã hội							
11	SN kinh tế							
12	Quản lý hành chính							

Ghi chú:

(1) Chưa bao gồm số thu được để lại theo chế độ để cải cách tiền lương năm 2005 chưa sử dụng hết chuyển sang.

(2) 10% chi thường xuyên phần tăng thêm theo số dự kiến giao năm 2006 Bộ Tài chính thông báo so với dự toán năm 2005 đã được Thủ tướng Chính phủ giao. Chưa bao gồm tiết kiệm 10% chi thường xuyên để cải cách tiền lương năm 2005 chưa sử dụng hết chuyển sang.

..., ngày ... tháng ... năm 2005

Thủ trưởng đơn vị

(Ký tên, đóng dấu)

Biểu số 5

UBND tỉnh, thành phố.....

**BÁO CÁO NGUỒN KINH PHÍ ĐỂ THỰC HIỆN
CẢI CÁCH TIỀN LƯƠNG NĂM 2006**

Đơn vị: Triệu đồng

Số thứ tự	Nội dung	Số tiền
1	2	3
	Tổng nguồn để thực hiện cải cách tiền lương năm 2006	
1	50% tăng thu NSDP (trừ tăng thu tiền sử dụng đất) thực hiện năm 2005 so dự toán Thủ tướng Chính phủ giao năm 2005	
2	50% tăng thu NSDP (trừ tăng thu tiền sử dụng đất) dự toán năm 2006 so dự toán năm 2004 Thủ tướng Chính phủ giao	
3	Số tiết kiệm 10% chi thường xuyên tăng thêm dự toán năm 2006 so dự toán năm 2003 (kể cả tiết kiệm 10% năm 2003 chưa sử dụng)	
4	Số thu được để lại đơn vị:	
a	Tổng số thu học phí năm 2006 40% học phí để lại để thực hiện chế độ tiền lương mới <i>Trong đó:</i> - Số thu được sử dụng để thực hiện điều chỉnh tiền lương theo Nghị định số 03/2003/NĐ-CP ngày 15/01/2003 của Chính phủ trong năm 2006	09689086
b	Tổng số thu viện phí năm 2006 <i>Trong đó:</i> Chi phí thuốc, máu, dịch truyền, hóa chất 35% viện phí để lại (sau khi trừ chi phí thuốc, máu, dịch truyền, hóa chất) để thực hiện chế độ tiền lương mới <i>Trong đó:</i> - Số thu được sử dụng để thực hiện điều chỉnh tiền lương theo Nghị định số 03/2003/NĐ-CP ngày 15/01/2003 của Chính phủ trong năm 2006	
c	Tổng số thu sự nghiệp khác <i>Trong đó:</i> Chi phí thu 40% thu sự nghiệp để lại (sau khi trừ chi phí thu) để thực hiện chế độ tiền lương mới <i>Trong đó:</i> - Số thu được sử dụng để thực hiện điều chỉnh tiền lương theo Nghị định số 03/2003/NĐ-CP ngày 15/01/2003 của Chính phủ trong năm 2006	
5	Nguồn thực hiện cải cách tiền lương năm 2005 chưa sử dụng hết chuyển sang 2006	

Ngày..... tháng..... năm 2005
 Chủ tịch UBND tỉnh, thành phố.....
 (Ký tên, đóng dấu)

Tỉnh, thành phố:

Biểu số: 6a

TỔNG HỢP NHU CẦU VỐN BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU TỪ NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG NĂM 2006 ĐỂ THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN, NHIỆM VỤ QUAN TRỌNG ĐÃ ĐƯỢC CẤP CÓ THẨM QUYỀN PHÊ DUYỆT

Đơn vị: Triệu đồng

Số thứ tự	Tên công trình, dự án	Số vốn đã bố trí đến 31/12/2005		Dự kiến bố trí 2006						Ghi chú (tên văn bản, diễn giải...)		
		Giá trị khôi lương đã thực hiện từ khôi công đến 31/12/2005	Tổng số	Trong đó ngân sách trung ương hỗ trợ	Tổng số	Bố trí từ nguồn ngân sách địa phương	Nguồn tài chính khác theo quy định của pháp luật	Đề nghị ngân sách trung ương hỗ trợ				
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	12
1	Dự án A											
2	Dự án B											
3	Công trình A											
4	Công trình B											
5											

Ngày..... tháng năm 2005
 TM. Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố
 Chủ tịch

**TỔNG HỢP NHU CẦU VỐN BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU TỪ NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG NĂM 2006
ĐỂ TIẾP TỤC THỰC HIỆN CÁC CHÍNH SÁCH NHÀ NƯỚC MỚI BAN HÀNH
TRONG THỜI GIAN ỔN ĐỊNH NGÂN SÁCH (2004 - 2006)**

Đơn vị: Triệu đồng

Số thứ tự	Diễn giải	Ghi chú								
		Đề nghị ngân sách trung ương hỗ trợ								
Số vốn địa phương dự kiến bố trí tăng thêm năm 2006 theo luật NSNN							Gồm			
Nguồn tài chính khác theo quy định của pháp luật										
Bổ trí từ nguồn sắp xếp lại nhiệm vụ chi										
Bổ trí từ nguồn ngân sách							Tổng số			
địa phương										
Số vốn đã bố trí trong dự toán ngân sách địa phương 2005							3=4+5+ 6+7			
Nhu cầu kinh phí thực hiện 2006										
A	B	1	2				4	5		
1	Kinh phí thực hiện Quyết định số 84/QĐ-TW ngày 01/10/2003 của Ban Chấp hành Trung ương									
2	Kinh phí thực hiện chế độ đối với người bị nhiễm chất độc màu da cam theo Quyết định									

A	B	1	2	$3=4+5+6+7$	4	5	6	7	$8=1-2-3$	9
	số 120/2004/QĐ-TTg ngày 05/7/2004 và Quyết định số 16/2004/QĐ-TTg ngày 05/02/2004									
3	Kinh phí khám chữa bệnh cho trẻ em dưới 6 tuổi theo Luật Bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em và Nghị định số 36/2005/NĐ-CP ngày 17/3/2005									
4	Kinh phí thực hiện Pháp lệnh Dân quân tự vệ									
5	Kinh phí thực hiện chế độ đối với học sinh dân tộc được học nội trú nhưng không ở nội trú									
6	Kinh phí thực hiện chế độ khám, chữa bệnh cho người nghèo									
7									

Ngày..... tháng năm 2005
 TM. Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố
 Chủ tịch

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HUY ĐỘNG VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THEO QUY ĐỊNH TẠI KHOẢN 3 ĐIỀU 8
LUẬT NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC, DỰ NỢ NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG GIAI ĐOẠN 2001 - 2005 (1)**

Đơn vị: Triệu đồng

Số thứ tự	Nội dung	Thực hiện năm 2001	Thực hiện năm 2002	Thực hiện năm 2003	Thực hiện năm 2004	Ước năm 2005	Cộng cả giai đoạn 2001-2005	So sánh				
		2002/ 2001	2003/ 2002	2004/ 2003	2005/ 2004							
A	B	1	2	3	4	5	6	7=2/1	8=3/2	9=4/3	10=5/4	
1	Tổng dư nợ huy động cho đầu tư XDCB đầu kỳ (theo khoản 3 Điều 8 Luật NSNN) Gồm: (Phân tích theo phương thức huy động, như: trái phiếu chính quyền địa phương, trái phiếu đô thị...)											
2	Nhiệm vụ trả nợ huy động trong kỳ - Trả gốc - Trả lãi - Các loại phí theo chế độ quy định											
3	Kinh phí đã thanh toán số nợ đến hạn trả trong kỳ											

Số thứ tự	Nội dung	Thực hiện năm 2001	Thực hiện năm 2002	Thực hiện năm 2003	Thực hiện năm 2004	Ước năm 2005	Công cả giai đoạn 2001-2005	So sánh			
		2002/ 2001	2003/ 2002	2004/ 2003	2005/ 2004			2002/ 2001	2003/ 2002	2004/ 2003	2005/ 2004
A	B	1	2	3	4	5	6	7=2/1	8=3/2	9=4/3	10=5/4
4	Số huy động bổ sung cho đầu tư XDCB trong kỳ (theo khoản 3 Điều 8 Luật NSNN - nếu có)										
5	Dư nợ huy động cho đầu tư cuối kỳ (theo khoản 3 Điều 8 Luật NSNN)										

Ghi chú:

(1) Ngân sách địa phương phải chủ động bố trí ngân sách để trả đủ nợ đến hạn trong năm ngân sách theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

Ngày.... tháng..... năm.....

TM. Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố

Chủ tịch

**ĐỊNH HƯỚNG CÔNG TÁC HUY ĐỘNG VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THEO QUY ĐỊNH TẠI KHOẢN 3 ĐIỀU 8
LUẬT NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC, DỰ NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG GIAI ĐOẠN 2006 - 2010 (1)**

Đơn vị: Triệu đồng

Số thứ tự	Nội dung	Dự toán năm 2006	Định hướng	Định hướng	Định hướng	Định hướng	Công cả giai đoạn 2001-2005	So sánh			
			năm 2007	năm 2008	năm 2009	năm 2010		2007/ 2006	2008/ 2007	2009/ 2008	2010/ 2009
A	B	1	2	3	4	5	6	7=2/1	8=3/2	9=4/3	10=5/4
1	Tổng dư nợ huy động cho đầu tư XDCB đầu kỳ (theo khoản 3 Điều 8 Luật NSNN) Gồm: (Phân tích theo phương thức huy động, như: trái phiếu chính quyền địa phương, trái phiếu đô thi...)										
2	Nhiệm vụ trả nợ huy động trong kỳ - Trả gốc - Trả lãi - Các loại phí theo chế độ quy định										

Số thứ tự	Nội dung	Dự toán năm 2006	Định hướng	Định hướng	Định hướng	Định hướng	Cộng cả giai đoạn 2001-2005	So sánh			
			năm 2007	năm 2008	năm 2009	năm 2010		2007/ 2006	2008/ 2007	2009/ 2008	2010/ 2009
A	B	1	2	3	4	5	6	7=2/1	8=3/2	9=4/3	10=5/4
3	Mức kinh phí bố trí dự toán ngân sách để thanh toán số nợ đến hạn trả trong kỳ										
4	Số huy động bổ sung cho đầu tư XDCB trong kỳ (theo khoản 3 Điều 8 Luật NSNN - nếu có)										
5	Dư nợ huy động cho đầu tư cuối kỳ (theo khoản 3 Điều 8 Luật NSNN)										

Ghi chú: (1) Ngân sách địa phương phải chủ động bố trí ngân sách để trả đủ nợ đến hạn trong năm ngân sách theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

Ngày.... tháng năm

TM. Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố

Chủ tịch

BÁO CÁO KẾT QUẢ HUY ĐỘNG VỐN ĐẦU TƯ XÃ HỘI GIAI ĐOẠN 2001 - 2005

Đơn vị: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2001	Thực hiện năm 2002	Thực hiện năm 2003	Thực hiện năm 2004	Ước năm 2005	Cộng cả giai đoạn 2001 - 2005	So sánh			
							2002/2001	2003/2002	2004/2003	2005/2004
A	1	2	3	4	5	6	7=2/1	8=3/2	9=4/3	10=5/4
Tổng vốn đầu tư xã hội Gồm: - Nguồn ngân sách nhà nước - Nguồn vốn tín dụng - Nguồn doanh nghiệp nhà nước - Nguồn đầu tư nước ngoài - Nguồn doanh nghiệp ngoài nhà nước - Nguồn vốn khác										

Ngày.... tháng năm
 TM. Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố
 Chủ tịch

ĐỊNH HƯỚNG CÔNG TÁC HUY ĐỘNG VỐN ĐẦU TƯ XÃ HỘI GIAI ĐOẠN 2006 - 2010

Đơn vị: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Dự toán năm 2006	Định hướng năm 2007	Định hướng năm 2008	Định hướng năm 2009	Định hướng năm 2010	Cộng cả giai đoạn 2006 - 2010	So sánh			
							2007/2006	2008/2007	2009/2008	2010/2009
A	1	2	3	4	5	6	7=2/1	8=3/2	9=4/3	10=5/4
Tổng vốn đầu tư xã hội Gồm: - Nguồn ngân sách nhà nước - Nguồn vốn tín dụng - Nguồn doanh nghiệp nhà nước - Nguồn đầu tư nước ngoài - Nguồn doanh nghiệp ngoài nhà nước - Nguồn vốn khác										

Ngày.... tháng.... năm....

TM. Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố
Chủ tịch